

Bản án số: 12/2021/DS-ST  
Ngày: 28-04-2021  
Về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng  
tín dụng*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Đức Thiện

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhớ
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP X**; Địa chỉ trụ sở: Tầng 8 V, 72 đường L và 47 đường L1, phường B, quận 1, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q; chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1982; chức vụ: Phó phòng Khách hàng cá nhân; Địa chỉ: Số 48 đường T, phường H, quận H, thành phố Đ (theo Giấy ủy quyền số 269/2018/EIB-UB-TGD ngày 28/12/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP X và Giấy ủy quyền số 49/2020/EIBD-KHCN ngày 22/12/2020) Bà H có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 37 (26 cũ), phường T, quận T, thành phố Đ (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2020, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 25/12/2020 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị Thu H trình bày: Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Đ (gọi tắt là E Đ) đã ký hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị P vay tổng số tiền 199.000.000đ (một trăm chín mươi chín triệu đồng), cụ thể như sau:*

1. Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LAV 201101439 (Khế ước: 1002-LDS 201103699) ngày 26/8/2011, cụ thể như sau:

- + Số tiền vay: 22.000.000 đồng
- + Dư nợ vay: 3.826.971 đồng (dư nợ vay đến ngày 12/8/2020).
- + Thời hạn vay: 120 tháng.
- + Lãi suất vay: 14,45%/năm (lãi suất thay đổi theo quy định của Hợp đồng tín dụng);
- + Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.
- + Tài sản bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm đối với Cán bộ công nhân viên E.

2. Hợp đồng tín dụng số: 1002-LAV-201400630 ngày 31/5/2014, cụ thể như sau:

- + Số tiền vay: 35.000.000 đồng
- + Dư nợ vay: 21.950.000 đồng (dư nợ vay đến ngày 12/8/2020).
- + Thời hạn vay: 120 tháng.
- + Lãi suất vay: 7,0%/năm (lãi suất thay đổi theo quy định của Hợp đồng tín dụng);
- + Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.
- + Tài sản bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm đối với Cán bộ công nhân viên E.

3. Hợp đồng tín dụng số 1002LAV200901874 (Khế ước: 1002-LDS200903109) ngày 28/05/2009, cụ thể như sau:

- + Số tiền vay: 60.000.000 đồng
- + Dư nợ vay: 41.935.000 đồng (dư nợ vay đến ngày 12/8/2020).
- + Thời hạn vay: 120 tháng.
- + Lãi suất vay: 8,7%/năm (lãi suất thay đổi theo quy định của Hợp đồng tín dụng);
- + Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.
- + Tài sản bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm đối với Cán bộ công nhân viên E.

4. Hợp đồng tín dụng số: 1002-LAV-201000810 (khế ước 1002-LDS-201001463) ngày 11/5/2010, cụ thể như sau:

- + Số tiền vay: 60.000.000 đồng

- + Dư nợ vay: 5.337.962 đồng (dư nợ vay đến ngày 12/8/2020).
- + Thời hạn vay: 120 tháng.
- + Lãi suất vay: 12,1%/năm (lãi suất thay đổi theo quy định của Hợp đồng tín dụng);

- + Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.
- + Tài sản bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm đối với Cán bộ công nhân viên E.

5. Hợp đồng tín dụng số 1002-LAV-201001497 (Khế ước: 1002 LDS-201003056) ngày 09/8/2010, cụ thể như sau:

- + Số tiền vay: 22.000.000 đồng
- + Dư nợ vay: 6.803.855 đồng (dư nợ vay đến ngày 12/8/2020).
- + Thời hạn vay: 120 tháng.
- + Lãi suất vay: 11,65%/năm (lãi suất thay đổi theo quy định của Hợp đồng tín dụng);

- + Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.
- + Tài sản bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm đối với Cán bộ công nhân viên E.

Quá trình sử dụng tiền vay, bà Nguyễn Thị P đã nhiều lần vi phạm về việc trả gốc và lãi vay hàng tháng cho Ngân hàng, không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Đến nay bà Nguyễn Thị P chưa thanh toán tiền nợ gốc, lãi vay từ tháng 3/2018 đến nay cho Ngân hàng E Đ đã nhiều lần liên lạc, thông báo lẫn làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thị P nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ và trây ỉ trả nợ.

Tính đến ngày 26/04/2021, bà Nguyễn Thị P còn nợ E Đ tổng số tiền là 136.388.764 đồng; *trong đó:*

| <b>HĐTD số</b>    | <b>Nợ gốc đến ngày<br/>26/4/2021</b> | <b>Nợ lãi đến ngày<br/>26/4/2021</b> | <b>Tổng cộng</b>        |
|-------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|
| 1002LAV200901874  | 41.935.000 đồng                      | 22.255.000 đồng                      | 72.672.342 đồng         |
| 1002LAV201000810  | 5.337.962 đồng                       | 3.803.264 đồng                       | 9.141.226 đồng          |
| 1002LAV201001497  | 6.803.855 đồng                       | 4.825.735 đồng                       | 11.629.590 đồng         |
| 1002-LAV201101439 | 3.826.971 đồng                       | 2.636.114 đồng                       | 6.463.085 đồng          |
| 1002-LAV201400630 | 21.950.000 đồng                      | 14.532.521 đồng                      | 36.482.521 đồng         |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>79.853.855 đồng</b>               | <b>56.534976 đồng</b>                | <b>136.388.764 đồng</b> |

Nay đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Đ số tiền nợ gốc và nợ lãi là 136.388.764 đồng (*lãi tính từ ngày 16/3/2018 đến ngày 26/04/2021*) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi quy định trong từng hợp đồng tín dụng mà bà P đã ký kết với Ngân hàng.

\* Bị đơn là bà Nguyễn Thị P mặc dù đã được Tòa án triệu tập (niêm yết) hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến, văn bản phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 305, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền 136.388.764 đồng; trong đó: nợ gốc là 79.853.788 đồng, nợ lãi là 39.427.956 đồng, lãi chậm trả là 17.107.020 đồng (tính đến ngày 26/4/2021) và lãi tiếp tục tính cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cho Ngân hàng TMCP X.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật áp dụng:* Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 1002LAV200901874 ngày 28/05/2009; Hợp đồng tín dụng số: 1002-LAV-201000810 ngày 11/5/2010; Hợp đồng tín dụng số 1002-LAV-201001497 ngày 09/8/2010; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LAV 201101439 ngày 26/8/2011; Hợp đồng tín dụng số: 1002-LAV-201400630 ngày 31/5/2014 giữa Ngân hàng TMCP X với bà Nguyễn Thị P. Đây là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Ngân hàng TMCP X đã thực hiện việc cấp tín dụng bằng hình thức cho vay theo Hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị P. Các bên có tranh chấp, Ngân hàng TMCP X khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P phải trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Vì vậy Tòa án xem xét áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết vụ án.

[2] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn là bà Nguyễn Thị P có địa chỉ tại tổ 37 (26 cũ) phường T, quận T, thành phố Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập (niêm yết) hợp lệ đến lần thứ ba nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị P vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về nội dung*: Theo các Hợp đồng tín dụng số 1002LAV200901874 ngày 28/05/2009; số: 1002-LAV-201000810 ngày 11/5/2010; số 1002-LAV-201001497 ngày 09/8/2010; số: 1002-LAV 201101439 ngày 26/8/2011; số: 1002-LAV-201400630 ngày 31/5/2014 giữa Ngân hàng TMCP X với bà Nguyễn Thị P đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Theo đại diện nguyên đơn trình bày, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị P đã vi phạm, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi như đã cam kết trong các hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền: 136.388.764đ (*Một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng*); trong đó: nợ gốc là 79.853.855 đồng, nợ lãi là 56.534976 đồng (*lãi tính từ ngày 16/3/2018 đến ngày 26/4/2021*) và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng mà bà P đã ký kết.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng như đã nêu trên thì bà P đã sử dụng khoản tiền vay theo các hợp đồng tín dụng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP X. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, đốc thúc yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P vẫn không thanh toán. Do vậy, bị đơn là bà Nguyễn Thị P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, do vậy yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 26/4/2021 và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các hợp đồng tín dụng số 1002LAV200901874 ngày 28/05/2009; số: 1002-LAV-201000810 ngày 11/5/2010; số 1002-LAV-201001497 ngày 09/8/2010; số: 1002-LAV 201101439 ngày 26/8/2011; số: 1002-LAV-201400630 ngày 31/5/2014, phù hợp với Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[5] Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 136.388.764 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng*); trong đó: nợ gốc là 79.853.855 đồng, nợ lãi là 56.534976 đồng (*lãi tính từ ngày 16/3/2018 đến ngày 26/4/2021*) và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2021 theo mức lãi suất mà bà P và Ngân hàng TMCP X đã thỏa thuận khi ký kết tại các hợp đồng tín dụng số số

1002LAV200901874 ngày 28/05/2009; số: 1002-LAV-201000810 ngày 11/5/2010; số 1002-LAV-201001497 ngày 09/8/2010; số: 1002-LAV-201101439 ngày 26/8/2011; số: 1002-LAV-201400630 ngày 31/5/2014 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị P phải chịu theo giá ngạch 136.388.764 đồng x 5% = 6.819.438 đồng.

[7] Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị P.

1. Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 136.388.764 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng*); trong đó: nợ gốc là 79.853.855 đồng, nợ lãi là 56.534976 đồng (*lãi tính từ ngày 16/3/2018 đến ngày 26/4/2021*). Cụ thể:

| <b>HĐTD số</b>    | <b>Nợ gốc đến ngày<br/>26/4/2021</b> | <b>Nợ lãi đến ngày<br/>26/4/2021</b> | <b>Tổng cộng</b>        |
|-------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|
| 1002LAV200901874  | 41.935.000 đồng                      | 22.255.000 đồng                      | 72.672.342 đồng         |
| 1002LAV201000810  | 5.337.962 đồng                       | 3.803.264 đồng                       | 9.141.226 đồng          |
| 1002LAV201001497  | 6.803.855 đồng                       | 4.825.735 đồng                       | 11.629.590 đồng         |
| 1002-LAV201101439 | 3.826.971 đồng                       | 2.636.114 đồng                       | 6.463.085 đồng          |
| 1002-LAV201400630 | 21.950.000 đồng                      | 14.532.521 đồng                      | 36.482.521 đồng         |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>79.853.855 đồng</b>               | <b>56.534976 đồng</b>                | <b>136.388.764 đồng</b> |

Bà Nguyễn Thị P phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2021 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 1002LAV200901874 ngày 28/05/2009; số: 1002-LAV-201000810 ngày

11/5/2010; số 1002-LAV-201001497 ngày 09/8/2010; số: 1002-LAV-201101439 ngày 26/8/2011; số: 1002-LAV-201400630 ngày 31/5/2014 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu: 6.819.438 đồng (*Sáu triệu, tám trăm mười chín nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng*).

3. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí 3.010.000đ (*ba triệu, không trăm mười nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0002275 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đức Thiện**